

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng dự án: Đường giao thông kết nối Tỉnh lộ 676 tỉnh Kon Tum đi xã Trà Vinh, huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/1/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh Kon Tum về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 19 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy hoạch Tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2035;

Căn cứ Nghị quyết số 69/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Kon Tum về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 20/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế tỉnh Kon Tum đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 910/QĐ-UBND ngày 07/11/2013 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Kon Plông đến năm 2020, định hướng đến năm 2025;

Căn cứ Văn bản số 4797/UBND-KTTH ngày 29/12/2020 của UBND tỉnh Kon Tum về việc triển khai Nghị quyết số 69/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Kon Tum về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Kon Tum;

Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh xem xét thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án:

Đường giao thông kết nối Tỉnh lộ 676 tỉnh Kon Tum đi xã Trà Vinh, huyện Nam Trà My tỉnh Quảng Nam, với nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án: Đường giao thông kết nối Tỉnh lộ 676 tỉnh Kon Tum đi xã Trà Vinh, huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam.
2. Dự án nhóm: Nhóm C.
3. Cấp quyết định đầu tư dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.
4. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông.
5. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Đăk Nên, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum.
6. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: **35.000 triệu đồng** (Bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ đồng chẵn).
- 6.1. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn ngân sách tỉnh.
- 6.2. Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện dự án:

TT	Năm	Ngân sách tỉnh(ĐVT: triệu đồng)	Ghi chú
	Tổng số	35.000	
1	Năm thứ nhất	20.000	
2	Năm thứ hai	15.000	

7. Ngành, lĩnh vực sử dụng nguồn vốn đề nghị thẩm định: Giao thông.
8. Thời gian thực hiện dự án: Từ năm 2021.
9. Hình thức đầu tư dự án: Xây dựng mới.
10. Các thông tin khác: Không.

II. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO

1. Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của dự án Đường giao thông kết nối Tỉnh lộ 676 tỉnh Kon Tum đi xã Trà Vinh, huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam.
2. Báo cáo thẩm định nội bộ của dự án Đường giao thông kết nối Tỉnh lộ 676 tỉnh Kon Tum đi xã Trà Vinh, huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam.

Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đặng Thanh Nam



BẢNG KHAI TOÁN TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Đường giao thông kết nối Tỉnh lộ 676 tỉnh Kon Tum đi xã Trà Vinh, huyện Nam Trà My tỉnh
Quảng Nam

ĐVT: Đồng

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền
I	Chi phí xây dựng	Gxd	Gxd1+Gxd2	27.392.000.000
1	Phần đường	Gxd1		13.009.621.735
2	Phần cầu	Gxd2		14.382.078.928
II	Chi phí quản lý dự án	Gqlda	Gxd*2,4475%	670.000.000
III	Chi phí tư vấn	Gtv	a1+...+a13	2.377.000.000
1	Chi phí khảo sát lập dự án	a1	Tạm tính	330.000.000
2	Chi phí lập dự án	a2	Gxd*0,6072%	166.324.224
3	Chi phí khảo sát lập TKBVTC	a3	Tạm tính	150.000.000
4	Chi phí thiết kế BVTC	a4	Gxd*1,2306%	337.085.952
5	Chi phí thẩm tra TMĐT	a5	Gxd*0,1346%	12.904.371
6	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	a6	Gxd*0,1414%	38.732.288
7	Chi phí thẩm tra dự toán	a7	Gxd*0,1361%	37.280.512
8	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT xây lắp	a8	Gxd*0,2229%	61.056.768
9	Chi phí giám sát kỹ thuật	a9	Gxd*2,6438%	724.189.696
10	Chi phí giám kiểm định	a10	a9*35%	253.466.394
11	Chi phí đo đạc bản đồ địa chính	a11	20tr/ha	66.000.000
12	Chi phí cắm cọc GPMB	a12	Tạm tính	150.000.000
13	Chi phí tư vấn khác	a13	Tạm tính	50.000.000
IV	Chi phí khác	Gk	b1+...+b9	613.000.000
1	Chi phí bảo hiểm công trình	b1	b1.1+b1.2	143.809.301
	Hạng mục đường	b1.1	Gxd1*0,42%	54.640.411
	Hạng mục cầu	b1.2	Gxd2*0,62%	89.168.889
2	Lệ phí thẩm định dự án	b2	TMĐT*0,0162%	5.670.000
3	Chi phí kiểm toán	b3	TMĐT*0,5231%*1,1	201.393.500
4	Chi phí quyết toán	b4	TMĐT*0,3244%*50%	56.770.000
5	Chi phí thẩm định HSMT và KQ lựa chọn nhà thầu	b5	Gxd*0,05%*2	27.392.000
6	Phí thẩm định thiết kế	b6	Gxd*0,0296%/1,1	7.370.938
7	Phí thẩm định dự toán	b7	Gxd*0,0286%/1,1	7.121.920
8	Chi phí rà phá bom mìn	b8	45tr/ha	148.500.000
	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng	b9	Tạm tính	15.000.000
V	Chi phí đền bù	Gdb	Khái toán	766.000.000
VI	Dự phòng phí	Gdp	Gdp1+Gxd2	3.182.000.000
1	Cho yếu tố phát sinh khối lượng	Gdp1	(Gxd+Gqlda+Gtv+Gk+Gdb)*5%	1.590.900.000
2	Cho yếu tố trượt giá	Gdp2	(Gxd+Gqlda+Gtv+Gk+Gdb)*5%	1.590.900.000
VII	Tổng mức đầu tư	TMĐT	Gxd+Gqlda+Gtv+Gk+Gdb+Gdp	35.000.000.000